



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 36

Ngày 24 tháng 9 năm 2018

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

14-9-2018	Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	03
14-9-2018	Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND bãi bỏ Điều 35 của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	07

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-9-2018	Quyết định số 2051/QĐ-UBND về việc công bố thông tin các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế 2018 và định hướng đến năm 2020.	09
17-9-2018	Quyết định số 2066/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã Hương Thủy trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy.	14

18-9-2018 Quyết định số 2072/QĐ-UBND về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Nam Đông trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông. 17

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 7, Điều 40, Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1386/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm hệ thống dẫn, chuyển nước; trạm bơm; bờ bao thủy lợi; cống qua bờ bao thủy lợi, qua các mương, rạch; các công trình phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi được xây dựng ngoài phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quy định như sau:

1. Phạm vi vùng phụ cận của hệ thống dẫn, chuyển nước:

a) Kênh có lưu lượng từ $01\text{m}^3/\text{s}$ đến $02\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái kênh trở ra từ 1,5m đến 02m đối với kênh đất, từ 01m đến 1,5m đối với kênh kiên cố;

b) Kênh có lưu lượng từ $0,5\text{m}^3/\text{s}$ đến $01\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái kênh trở ra từ 01m đến 1,5m đối với kênh đất, từ 0,5m đến 01m đối với kênh kiên cố;

c) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái kênh trở ra từ 0,5m đến 01m đối với kênh đất, 0,5m đối với kênh kiên cố;

d) Phạm vi vùng phụ cận của các công trình trên kênh bao gồm cống, xi phông, cầu máng, cửa lấy nước và công trình trên kênh khác, phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây dựng ngoài cùng trở ra mỗi phía tối thiểu 02m;

đ) Phạm vi vùng phụ cận của đường ống dẫn nước được tính từ thành ngoài của ống ra mỗi bên 01m.

2. Phạm vi vùng phụ cận của trạm bơm:

a) Đối với phần công trình trạm bơm trên cạn, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 10m. Trường hợp công trình có hàng rào thì phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân hàng rào trở ra tối thiểu 03m.

b) Đối với phần công trình trạm bơm dưới nước, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 30m.

3. Phạm vi vùng phụ cận của bờ bao thủy lợi:

a) Phạm vi vùng phụ cận của bờ bao thủy lợi được tính từ chân mái trở ra mỗi phía tối thiểu 05m;

b) Đối với bờ bao thủy lợi kết hợp tuyến đê, phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ đê điều.

4. Phạm vi vùng phụ cận của cống qua bờ bao thủy lợi, qua các mương, rạch được tính từ phần xây dựng ngoài cùng trở ra mỗi phía 20m. Trường hợp cống qua bờ bao thủy lợi kết hợp tuyến đê thì phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ cống qua đê.

5. Các công trình phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi được xây dựng ngoài phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này và Điều 40 của Luật Thủy lợi, phạm vi vùng phụ cận được quy định như sau:

a) Đối với nhà quản lý, nhà kho, xưởng sửa chữa, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 10m;

b) Đối với đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái taluy trở ra mỗi phía tối thiểu 05m;

c) Công trình phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi khác, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 02m.

6. Công trình thủy lợi có vùng phụ cận chồng lên một phần với hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác thì phân định ranh giới phạm vi vùng phụ cận tuân theo các quy định của pháp luật về thủy lợi và các lĩnh vực khác có liên quan và theo nguyên tắc đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy lợi căn cứ quyền và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 55 của Luật Thủy lợi và Quy định này để triển khai thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Điều 35 của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 230/TTr-STNMT ngày 26 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Điều 35 của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Lý do: Quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Điều 35 của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh không còn phù hợp với quy định của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Y tế, Tư pháp; Trưởng ban Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2051/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố thông tin các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư
của tỉnh Thừa Thiên Huế 2018 và định hướng đến năm 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2316/SKHĐT-XTĐT ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc thống nhất nội dung tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thông tin các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018 và định hướng đến năm 2020 (*Phụ lục danh mục dự án đính kèm*).

Điều 2. Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành và các địa phương liên quan có trách nhiệm đăng tải thông tin các dự án được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử thuộc đơn vị quản lý.

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan liên quan căn cứ thông tin các dự án được phê duyệt, tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư tham gia nghiên cứu và thực hiện dự án theo quy định hiện hành; định kỳ tham mưu UBND tỉnh cập nhật, bổ sung thông tin các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG, VUI CHƠI THÁC MƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 14/9/2018)

1. Tên dự án: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi Thác Mơ.

2. Mục tiêu:

+ Xây dựng Thác Mơ trở thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với các loại hình giải trí gắn gũi với thiên nhiên, trở thành khu du lịch trọng điểm của huyện Nam Đông.

+ Phát triển mô hình du lịch kết hợp với nông lâm nghiệp, cung cấp đặc sản Nam Đông cho khách du lịch, xây dựng dịch vụ trải nghiệm các hoạt động văn hóa của địa phương.

3. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:

Ngoài các điều kiện, quy định chung, doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án phải đảm bảo các tiêu chí sau:

3.1. Quy mô, kiến trúc xây dựng: Xây dựng khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp với khu vui chơi giải trí, bố cục hài hòa với cảnh quan thiên nhiên; phương án thiết kế sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, hạn chế mật độ xây dựng các công trình kiên cố (mật độ xây dựng không quá 20%), kết hợp những hình ảnh mang tính đặc trưng địa phương, hình ảnh vùng núi với văn hóa dân tộc người Cơ Tu, hài hòa với vẻ đẹp tự nhiên của núi rừng.

3.2. Tổng mức đầu tư dự án: ≥ 30 tỷ đồng.

3.3. Tiến độ thực hiện dự án: tối đa 02 năm kể từ khi được giao đất.

3.4. Về năng lực tài chính của nhà đầu tư:

* *Trường hợp doanh nghiệp thành lập ngoài địa phương:* thành lập pháp nhân mới (công ty con) để thực hiện dự án. Việc thẩm tra năng lực tài chính, kinh nghiệm kinh doanh sẽ thực hiện với Công ty mẹ. Đối với công ty con, sẽ thẩm tra năng lực tài chính theo các quy định hiện hành.

+ Thẩm tra năng lực tài chính của công ty mẹ: Có vốn chủ sở hữu trên 20% tổng vốn đầu tư; thể hiện qua báo cáo tài chính của nhà đầu tư, báo cáo thuyết minh năng lực tài chính theo quy định; bảng tính hiệu quả kinh tế đúng với thực tế đầu tư.

+ Thẩm tra năng lực tài chính của công ty con: nhà đầu tư thành lập pháp nhân mới (công ty con) tại tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện dự án; pháp nhân mới phải đảm bảo yêu cầu về năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định, cụ thể, có vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư trong suốt quá trình thực hiện dự án.

* *Trường hợp doanh nghiệp địa phương:* phải đảm bảo yêu cầu về năng lực tài chính thực hiện dự án theo quy định, cụ thể, có vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư trong suốt quá trình thực hiện dự án.

* *Trường hợp nhà đầu tư là cá nhân:* đề nghị thành lập pháp nhân để đăng ký thực hiện dự án.

3.5. Năng lực và kinh nghiệm đầu tư: khuyến khích các doanh nghiệp đã từng thực hiện và đạt giải thưởng cấp địa phương về dự án phát triển sản phẩm mang tính đặc trưng của Huế, góp phần phát triển các sản phẩm đặc trưng.

4. Địa điểm: Thôn Xuân Phú, xã Hương, Phú huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Phân tích sự thuận lợi của địa điểm dự án: Đường cao tốc La Sơn - Túy Loan thuộc Tuyến đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan chạy qua địa bàn huyện Nam Đông thông với Thành phố Đà Nẵng, kết nối với tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và kết nối vào tuyến đường xuyên Á. Sau khi hoàn thành đường cao tốc La Sơn - Túy Loan, công trình giao thông này sẽ phá thế ngõ cụt của huyện Nam Đông (Thừa Thiên Huế), tạo cơ hội để huyện đẩy mạnh phát triển kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế rừng, công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

6. Diện tích: Khoảng 50.000 m²

7. Hình thức đầu tư: đầu tư trong nước.

8. Hiện trạng:

+ Không có hộ dân sinh sống trong phạm vi khu vực dự án; có một phần diện tích là đất rừng sản xuất.

+ Khu đất trước đây đã có 01 cá nhân đầu tư kinh doanh, hiện trạng đã được đầu tư một số hạ tầng lối đi, chòi nghỉ, chòi dịch vụ, cầu bắt qua suối, một phần diện tích cây keo được trồng trên đất của dự án và cá nhân đã có văn bản trả lại khu đất cho địa phương.

9. Phương án thực hiện

Tóm tắt các thủ tục tiếp theo và dự kiến mốc thời gian.

STT	Các bước tiếp theo	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách	Ghi chú
1	Tham mưu UBND tỉnh bổ sung dự án vào danh mục kêu gọi đầu tư	Tháng 8/2018	Sở KH&ĐT	Đã thực hiện
2	Đề xuất điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu đất	Tháng 9/2018	UBND huyện Nam Đông	
3	Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu đất	Tháng 9/2018	UBND tỉnh	
4	Phê duyệt bổ sung danh mục kêu gọi đầu tư	Tháng 9/2018	UBND tỉnh	Đã thực hiện
5	Xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	Tháng 8/2018	Sở KH&ĐT	
6	Phê duyệt bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	Tháng 9/2018	UBND tỉnh	

STT	Các bước tiếp theo	Thời gian dự kiến	Đơn vị phụ trách	Ghi chú
7	Công bố danh mục kêu gọi đầu tư (Bao gồm các tiêu chí)	Tháng 9/2018	Sở KH&ĐT	
8	Xác nhận số lượng các nhà đầu tư đề xuất nghiên cứu dự án để đưa ra phương án lựa chọn nhà đầu tư	30 ngày sau khi công bố. Tháng 10 - 11/2018	Sở KH&ĐT	
9.1	Phương án 01: Chỉ có 01 nhà đầu tư tham gia	Tháng 10 - 11/2018		
9.1.1	Cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án	Tháng 10 - 11/2018	UBND tỉnh	
9.2	Phương án 02: Có nhiều nhà đầu tư tham gia	Tháng 10 - 11/2018		
9.2.1	Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư	Tháng 10 - 11/2018		

10. Thông tin liên hệ:

Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp

Sở Kế hoạch và Đầu tư Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: 07 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế

Số điện thoại: 0234.3855501/0234.3938825

Email: ipa.skhd@thuathienhue.gov.vn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2066/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao
thị xã Hương Thủy trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã Hương Thủy trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã và Đài Truyền thanh thị xã trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã Hương Thủy (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trung tâm chịu sự quản lý, lãnh đạo và chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, đồng thời, chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý chuyên ngành cấp trên.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã Hương Thủy thực hiện chức năng là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền địa phương, phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; hướng dẫn về chuyên môn,

nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch ở cơ sở; tổ chức cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch và tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc là người được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các bộ phận chuyên môn:

- Bộ phận Hành chính - Tổng hợp;
- Bộ phận Văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;
- Bộ phận Thông tin, tuyên truyền.

3. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc của Trung tâm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trung tâm và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Ủy ban nhân dân thị xã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc theo khối lượng công việc, báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Giao trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm theo văn bản hướng dẫn của Trung ương và sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Văn hóa và Thể thao; Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2072/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao
huyện Nam Đông trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 69-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Nam Đông trên cơ sở chuyển nhiệm vụ sự nghiệp về văn hóa, thể thao của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nam Đông và Đài Truyền thanh và Trạm thu phát lại truyền hình huyện Nam Đông trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Nam Đông (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trung tâm chịu sự quản lý, lãnh đạo và chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông; đồng thời, chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý chuyên ngành cấp trên.

Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Nam Đông thực hiện chức năng là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền địa phương, phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ

cho cán bộ làm công tác văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch ở cơ sở; tổ chức cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch và tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc là người được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các bộ phận chuyên môn:

- Bộ phận Hành chính - Tổng hợp;
- Bộ phận Văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;
- Bộ phận Thông tin, tuyên truyền.

3. Số lượng người làm việc

a) Số lượng người làm việc của Trung tâm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trung tâm và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Ủy ban nhân dân huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Trung tâm xây dựng kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc theo khối lượng công việc, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Giao trách nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông

1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm theo văn bản hướng dẫn của Trung ương và sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ; Tài chính; Văn hóa và Thể thao; Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.